

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN D
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Bản án số: 44/2018/HS-ST
Ngày 12-6-2018*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN D - HÀ NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Đông.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Quốc Phòng.

Ông Nguyễn Minh Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tươi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa:
Ông Nghiêm Văn Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 46/2018/TLST –HS ngày 31 tháng 5 năm 2018, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2018/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 6 năm 2018 đối với:

* *Bị cáo Triệu Văn T*, sinh ngày 31 tháng 01 năm 1998; tên gọi khác Triệu Văn T1; nơi cư trú: Thôn C, xã Ch, huyện D, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Triệu Văn A và bà Hoàng Thị Q; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: Ngày 25/4/2015, bị Tòa án nhân dân quận T, thành phố Hà Nội xử phạt 07 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Đến 29/8/2015 đã chấp hành xong quyết định của bản án; Bị tạm giữ từ 01/3/2018 đến ngày 08/3/2018 chuyển sang tạm giam; Bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện D, tỉnh Hà Nam, có mặt.

* *Người bị hại:* Chị Phạm Văn A, sinh năm 1982, địa chỉ: xóm B, thị trấn H, huyện D, tỉnh Hà Nam, vắng mặt

* *Người làm chứng:* Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1987; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ ngày 01/3/2018, Triệu Văn T (tức T1) và Đặng Văn T2 (tức Đ), SN 1989, ở thôn T, xã Q, huyện P, thành phố Hà Nội, cùng đi chơi bằng xe mô tô hiệu Honda Wave - RSX của Đặng Văn T2 (chưa xác định được thông tin về T và nguồn gốc chiếc xe). Khi đến khu vực thuộc địa phận xã Y, huyện D, theo tuyến QL 38 hướng Đ – H lúc này Đặng Văn T2 điều khiển xe mô tô chủ

động rủ Triệu Văn T tìm tài sản sơ hở của những hộ dân ven QL 38 để trộm cắp, Triệu Văn T đồng ý. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày khi đi đến khu vực trước cửa gia đình chị Phạm Văn A, ở B, thị trấn H. Triệu Văn T ngồi sau quan sát, phát hiện tại bàn phòng khách trong nhà chị Văn A có 01 chiếc máy vi tính laptop, cửa nhà không đóng, không có người qua lại, Triệu Văn T nói với Đặng Văn T2 “anh quay lại em lấy cái máy tính của nhà kia”, Đặng Văn T2 nói “ừ” rồi điều khiển xe mô tô quay lại qua nhà chị Văn A khoảng 3 m thì dừng lại, Triệu Văn T xuống xe, đi vào phòng khách nhà chị Văn A trộm cắp chiếc máy tính laptop hiệu HP và 01 chiếc ba lô, bên trong có 06 quyển vở để ở mặt bàn xong quay ra chỗ Đặng Văn T2 dừng xe chờ sẵn. Sau khi Triệu Văn T lên xe Đặng Văn T2 biết đã trộm cắp được tài sản là máy tính, Đặng Văn T2 điều khiển xe mô tô đến cửa hàng máy tính của anh Nguyễn Văn D ở P, thị trấn H, Đặng Văn T2 đứng ngoài chờ, Triệu Văn T mang chiếc máy tính laptop vừa trộm cắp được vào bán cho anh D, anh D kiểm tra không mở được máy, anh D hỏi T mật khẩu thì T nói “em không biết vì đây là máy của đứa em”, anh D nói “không có mật khẩu mở máy anh không mua”. Sau đó Triệu Văn T cầm máy tính ra, Đặng Văn T2 tiếp tục điều khiển xe đi đến khu vực cầu H, Đặng Văn T2 nói “mang lại cho người ta phá mật khẩu”. Khi quay lại cửa hàng anh D, Triệu Văn T mang máy tính vào gặp nhờ anh D phá mật khẩu, anh D nói “mai quay lại lấy” đồng thời yêu cầu cung cấp số điện thoại thì Đặng Văn T2 từ ngoài đi vào cho số điện thoại là 0986198974. Sau đó Đặng Văn T2 chở Triệu Văn T đi đến khu vực gần thôn Tr, xã C thì dừng lại và mở kiểm tra chiếc ba lô thấy bên trong có 06 quyển vở ô li, ngoài ra không có gì khác nên đã vứt chiếc ba lô xuống vệ đường. Đến khoảng 21 giờ cùng ngày cả hai quay lại cửa hàng anh D, Đặng Văn T2 dừng xe bên ngoài chờ, Triệu Văn T vào cửa hàng xin lại chiếc máy tính laptop. Anh D trả, Triệu Văn T cầm ra khỏi cửa hàng thì bị lực lượng Công an huyện D bắt giữ người cùng vật chứng. Riêng Đặng Văn T2 điều khiển xe mô tô bỏ trốn.

Vật chứng thu giữ:

- Thu trên tay Triệu Văn T 01 chiếc máy tính xách tay cũ hiệu HP màn hình cảm ứng 11 inch; thu trong người 01 kết cấu kim thép hình chữ T, kích thước 9,5 x 9,2cm; 01 con dao kim loại thép, kích thước 10,5 x 2,5cm.

- Thu tại vệ đường khu vực gần làng Tr - C 01 chiếc ba lô cũ KT: 30 × 40cm, bên trong có 06 quyển vở ô li.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 10/KL - HĐ ngày 05/3/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện D, kết luận: 01 máy tính laptop, hiệu HP cũ có giá 3.500.000 đ; 01 ba lô cũ có giá 56.000 đ; 06 quyển vở ô li đã sử dụng có giá 6.000 đ. Tổng giá trị tài sản: 3.562.000đ

Cáo trạng số 49/CT-VKS ngày 29/5/2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện D truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017;

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt Triệu Văn T từ 12 đến 15 tháng tù. Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo. Ngoài ra còn đưa ra quan điểm về xử lý vật chứng và tuyên án phí đối với bị cáo.

Bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt ngoài ra không tranh luận gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện D, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện D, Kiểm sát viên : Trong quá trình điều tra, truy tố, cơ quan Điều tra, Viện kiểm sát đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của những người tham gia tố tụng khác và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, HĐXX đủ cơ sở kết luận:

[2] Khoảng 19 giờ ngày 01/3/2018, lợi dụng sơ hở của gia đình chị Phạm Vân A ở xóm B, thị trấn H, huyện D, tỉnh Hà Nam, Đặng Văn T2 dùng xe để Triệu Văn T đi vào nhà chị Vân A lén lút trộm cắp được 01 chiếc laptop hiệu HP, 01 ba lô bên trong có 06 quyển vở để ở bàn phòng khách có tổng giá trị là 3.562.000đ. Sau đó mang đến cửa hàng máy tính của gia đình anh Nguyễn Văn D ở P, thị trấn H để bán nhưng anh D không mua, Triệu Văn T nhờ anh D phá mật khẩu, đến 21 giờ cùng ngày anh D trả lại chiếc laptop, khi Triệu Văn T vừa ra khỏi cửa hàng của anh D thì bị Công an huyện D bắt giữ thu toàn bộ vật chứng có liên quan, còn Đặng Văn T2 đã điều khiển xe mô tô bỏ trốn.

Hành vi nêu trên của bị cáo gây nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm tài sản của người khác được pháp luật bảo hộ, đồng thời ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017; Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo có nhân thân xấu nhưng không phải chịu tình tiết tăng nặng. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Từ nhận định trên xét thấy bị cáo đã từng bị xét xử về tội “Trộm cắp tài sản” nhưng bị cáo không coi đây là bài học để tu dưỡng bản thân mà tiếp tục dấn thân vào con đường phạm tội nên cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để giáo dục, cải tạo bị cáo thành người có ích cho gia đình và xã hội.

[4] Về hình phạt bổ sung: bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định nên miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo là phù hợp pháp luật và thực tế.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Chị Phạm Văn A đã nhận lại tài sản nay không có yêu cầu gì nên HĐXX không đặt ra giải quyết.

Đối với Đặng Văn T2 (tức Đ): Cơ quan CSĐT Công an huyện D đã nhiều lần triệu tập, xác minh, nhưng Đặng Văn T2 không có mặt tại địa phương, đến nay chưa xác định được Đặng Văn T2 đang ở đâu. Hành vi đồng phạm của Đặng Văn T2 chỉ dựa trên cơ sở lời khai duy nhất của Triệu Văn T. Trong khi đó, thời gian các đối tượng thực hiện tội phạm vào buổi tối, các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ là chưa đủ căn cứ vững chắc để khởi tố đối với Đặng Văn T2 nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện D tiếp tục, xác minh, điều tra. Khi có đủ chứng cứ sẽ xử lý theo quy định pháp luật.

[6] Về vật chứng vụ án: Đối với 01 kết cấu kim loại, 01 con dao bằng kim loại là vật chứng bị cáo chuẩn bị cho việc phạm tội nên tịch thu cho tiêu hủy.

[7] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải nộp theo quy định của pháp luật.

Từ nhận định trên:

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố bị cáo Triệu Văn T (tên gọi khác Triệu Văn T1) phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) xử phạt Triệu Văn T 15 (Mười lăm) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 01/3/2018.

2. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017); Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

Tịch thu cho tiêu hủy: 01 kết cấu kim loại, 01 con dao bằng kim loại

(Toàn bộ đặc điểm vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an huyện D và Thi hành án dân sự huyện D ngày 31/5/2018).

3. Án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội bị cáo Triệu Văn T phải nộp: 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

Án xử công khai sơ thẩm bị cáo có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9

Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- Sở Tư pháp tỉnh Hà Nam;
- Công an huyện D;
- VKSND huyện D;
- Chi cục THADS huyện D;
- Bị cáo; đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Tiến Đông